

Bản án số: 242/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 11 – 2022
V/v tranh chấp L hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU**

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thanh Phong

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị D My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp L hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Ng đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp Tân Th, xã Nguyễn H, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Kha L, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp Tân Th, xã Nguyễn H, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị D trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Chị Trần Kiều D và anh Nguyễn Kha L kết hôn năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn H. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên đã L thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị D xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được L hôn anh Nguyễn Kha L.

Quá trình chung sống chị D và anh L có 02 con chung gồm: Nguyễn Trọng T, sinh năm 2009 và Nguyễn Thảo Ng, sinh năm 2014. Khi L hôn chị D yêu cầu được nuôi Thảo Ng, giao Trọng T cho anh L nuôi, không đặt ra cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chị D xác định không có.

* *Đối với anh Nguyễn Kha L:* Tòa án có tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của chị D nhưng anh Kha L không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải, anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Kha L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Chị D và anh Kha L chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên đã L thân từ năm 2017 đến nay. Từ Ng nhân trên, chị D xác định tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể hàn gắn nên yêu cầu được L hôn với anh Kha L. Anh Kha L không có ý kiến về yêu cầu xin L hôn của chị D.

Xét yêu cầu của chị D, thấy rằng: Chị D yêu cầu L hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử anh Kha L đều vắng mặt, thể hiện việc anh Kha L không có thiện chí hòa giải, hàn gắn, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D L hôn với anh Kha L là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu nuôi con của chị D thấy rằng: Cháu Nguyễn Trọng T, sinh năm 2009 hiện do anh Kha L trực tiếp nuôi dưỡng, theo đơn trình bày nguyện vọng ngày 18/11/2022, cháu Tình có nguyện vọng được sống cùng anh Kha L; cháu Nguyễn Thảo Ng, sinh năm 2014 đang sống cùng chị D, theo đơn trình bày nguyện vọng ngày 16/11/2022, cháu Thảo Ng có nguyện vọng được sống cùng chị D. Anh Kha L không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên chấp nhận yêu cầu của chị D, giao Trọng T cho anh Kha L, giao Thảo Ng cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Do chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh Kha L không có ý kiến nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị D xác định không có. Anh Kha L không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; khi có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị D phải chịu trong vụ án L hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D.
 - Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Kha L.
 - Về con chung: Giao Nguyễn Trọng T, sinh năm 2009 cho anh Nguyễn Kha L; giao cháu Nguyễn Thảo Ng, sinh năm 2014 cho chị Trần Thị D tiếp tục trong nôm, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Kha L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị D phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013150 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D (chị D đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Ủy ban nhân dân xã Nguyễn H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai

